

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HS-ST

Ngày 23 - 7- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Thuận

Ông Trịnh Duy Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Bách P; sinh năm 1989 tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Nguyễn Hồng Q; con bà: La Thị T1; gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ, con.

Tiền án tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 11/12/2014 bị TAND huyện Nông Cống xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Đã chấp hành xong.

- Ngày 28/11/2016 bị TAND huyện Nông Cống xử phạt 15 tháng về tội trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/7/2023 đến ngày 28/7/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lương Khắc N1, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn T2, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. Bùi Văn T3, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

3. Trần Văn T4, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn N1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

4. Trần Sỹ H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn N1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

5. Đinh Viết Q, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

6. Bùi Văn C, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

7. Nguyễn Quang H1, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

8. Trần Văn Đ, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn N1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

9. Lê Chí C1, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

10. Viên Văn Q1, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

11. Lê Quang Đ2, sinh năm 2003

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

12. Lê Minh H2, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 6 D, xã T5- Nông Cống - Thanh Hóa

13. Trần Phi L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn S, xã T5, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

14. Cù Văn A, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

15. Trần Minh T6, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn T2, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 11 năm 2022 đến ngày 25/7/2023, Nguyễn Bách P đã cho 15 cá nhân trên địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa vay tổng số tiền 183.000.000đ gồm:

1. Ngày 01/02/2023, Nguyễn Bách P cho Lương Khắc N1 vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng mức lãi suất 146%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự là 7,3 lần. Tính đến ngày 31/05/2024 Phương đã cho N1 vay 120 ngày và đã thu của Nam tiền lãi là 8.800.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự, Phương được phép thu của N 120 ngày tiền lãi là 1.333.333đ, P thu lợi bất chính số tiền 7.466.667đ. Sau đó N1 và P thỏa thuận lại mức lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/01

ngày, tương ứng mức lãi suất 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 5,475 lần. Tính từ ngày 01/06/2023 đến ngày 25/7/2023 là 55 ngày và đã thu của N1 tiền lãi là 3.300.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự, P được phép thu của N1: 55 ngày lãi là 611.111đ, P đã thu lợi bất chính số tiền 2.688.889đ. Từ ngày 01/06/2023 đến ngày 25/7/2023, P đã thu được của N1: 30 ngày tiền lãi với số tiền là 1.800.000đ, P đã thu lợi bất chính số tiền 1.466.667đ. Đối với số tiền lãi và tiền gốc còn nợ thì N1 vẫn phải trả cho P theo thỏa thuận.

2. Ngày 01/07/2023 Nguyễn Bách P cho Bùi Văn T3 vay số tiền 10.000.000đ lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ /01 ngày, tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của BLDS là 9,125 lần. Tính đến ngày 25/07/2023, P đã cho T3 vay 25 ngày và thu được 30 ngày tiền lãi với số tiền 1.500.000đ. Theo quy định của BLDS, P được phép thu của T3: 30 ngày lãi là 166.667đ, P đã thu lợi bất chính số tiền 1.333.333đ. Đối với số tiền gốc còn nợ T3 vẫn phải trả cho P theo thỏa thuận.

3. Ngày 29/04/2023 Nguyễn Bách P cho Trần Văn T4 vay số tiền 7.000.000đ với lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự là 9,125 lần. Tính đến ngày 25/07/2023, P đã cho T4 vay 88 ngày và thu được 90 ngày tiền lãi với số tiền 3.000.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự, P được phép thu của T4: 90 ngày lãi là 350.000đ, P đã thu lợi bất chính số tiền 2.650.000đ. Đối với số tiền gốc còn nợ thì T4 vẫn phải trả cho P theo thỏa thuận.

4. Nguyễn Bách P cho Trần Sỹ H vay 02 lần, cụ thể:

- Ngày 16/05/2023, P cho H vay số tiền 6.000.000đ lãi suất 5.000đ/01 triệu /01 ngày, tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự 9,125 lần. Tính đến ngày 19/05/2023, P cho H vay 04 ngày, thu 900.000đ tiền lãi, H đã thanh toán xong tiền gốc và kết thúc khoản vay này. Theo quy định của Bộ luật dân sự, P được phép thu của H 04 ngày lãi là 13.333đ, vậy P đã thu lợi bất chính số tiền 886.667đ.

- Ngày 21/05/2023, P cho H vay số tiền 6.000.000đ với lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự 9,125 lần. Tính đến ngày 24/7/2023, P đã cho H vay 65 ngày thu được 1.800.000đ tiền lãi, H đã thanh toán xong tiền gốc và kết thúc khoản vay này. Theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền lãi tối đa P được phép thu của anh H 65 ngày là 216.840đ, vậy P đã thu lợi bất chính số tiền 1.583.160đ.

5. Nguyễn Bách P cho Đinh Viết Q vay 02 lần, cụ thể:

- Ngày 19/04/2023 P cho Q vay số tiền 15.000.000đ lãi suất là 3.333đ/1.000.000đ/ 01 ngày, tương ứng mức lãi suất 121,65%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự 6,08 lần. Tính đến ngày 25/7/2023, P đã cho Q vay 98 ngày và thu được 120 ngày tiền lãi với tổng số tiền 6.000.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền lãi tối đa P được

được phép thu của Q ngày là 1.000.000đ, P thu lợi bất chính số tiền 5.000.000đ. Đối với số tiền gốc còn nợ thì Q vẫn phải trả cho P theo đúng thỏa thuận.

- Ngày 02/05/2023 P cho Q vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất là 3.333đ/01 triệu/01 ngày, tương ứng mức lãi suất 121,65%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự 6,08 lần. Tính đến ngày 15/05/2023, P đã cho Q vay 14 ngày tiền lãi thu được 1.000.000đ, Q đã thanh toán xong tiền gốc và kết thúc khoản vay này. Theo quy định của Bộ luật dân sự, P được phép thu của Q 14 ngày lãi là 77.778đ, P đã thu lợi bất chính số tiền 922.2220đ.

6. Nguyễn Bách P cho Bùi Văn C vay 02 lần, cụ thể:

- Ngày 09/06/2023 P cho C vay số tiền 4.000.000đ với lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự 9,125 lần. Tính đến ngày 16/6/2023, P đã cho C vay 08 ngày, thu được 500.000đ tiền lãi, anh C đã thanh toán xong tiền gốc và kết thúc khoản vay này. Theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền lãi tối đa P được phép thu của C 08 ngày là 17.778đ, vậy P thu lợi bất chính số tiền 482.222đ.

- Ngày 21/06/2023 P cho C vay số tiền 10.000.000đ lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ 01 ngày, tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự 9,125 lần. Tính đến ngày 14/7/2023, P đã cho C vay 24 ngày thu được 1.300.000đ tiền lãi, C đã thanh toán xong tiền gốc và kết thúc khoản vay. Theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền lãi tối đa P được phép thu của C 24 ngày là 133.333đ tiền lãi, vậy P thu lợi bất chính số tiền 1.166.667đ

7. Ngày 15/04/2023, Nguyễn Bách P cho Nguyễn Quang H1 vay số tiền 15.000.000đ với lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự là 9,125 lần. Tính đến ngày 15/5/2023 P đã cho H1 vay 31 ngày thu được 2.250.000đ tiền lãi, H1 đã thanh toán xong tiền gốc và kết thúc khoản vay. Theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền lãi tối đa mà P được phép thu của anh H1 31 ngày là 258.333đ tiền lãi, P đã thu lợi bất chính số tiền 1.991.667đ.

8. Ngày 23/04/2023, Nguyễn Bách P cho anh Trần Văn Đ vay số tiền 20.000.000đ với lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng mức lãi suất 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự 5,475 lần. Tính đến ngày 25/7/2023, P đã cho Đ vay tổng là 94 ngày, thu được 5.640.000đ tiền lãi. Theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền lãi tối đa P được phép thu của Đ 94 ngày là 1.044.444đ, P thu lợi bất chính số tiền 4.595.556đ. Quá trình cho vay, P đã thu được của anh Đ 90 ngày tiền lãi với số tiền là 5.400.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền lãi tối đa P được phép thu của Đ 90 ngày là 1.000.000đ, P đã thu lợi bất chính số tiền 4.400.000đ. Đối với số tiền gốc và tiền lãi còn nợ thì Đ vẫn phải trả cho P theo thỏa thuận.

9. Ngày 05/07/2023, Nguyễn Bách P cho Lê Chí T7 vay số tiền 5.000.000đ với lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự 9,125

lần. Tính đến ngày 24/7/2023 P đã cho T7 vay tiền 20 ngày thu được 750.000đ tiền lãi, T7 đã thanh toán xong tiền gốc và kết thúc khoản vay này. Theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền lãi tối đa P được phép thu của T7: 20 ngày là 55.556đ tiền lãi, P đã thu lợi bất chính số tiền 694.444đ.

10. Ngày 01/07/2023, Nguyễn Bách P cho Viên Văn Q1 vay số tiền 15.000.000đ với lãi suất là 3.3334/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng mức lãi suất 121,65%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự 6,08 lần. Tính đến ngày 25/7/2023, P đã cho Q1 vay 25 ngày, tiền lãi anh Q1 phải trả là 1.249.875đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền lãi tối đa P được phép thu của anh Q1: 25 ngày là 208.333đ, vậy P thu lợi bất chính số tiền 1.041.542đ. Nhưng trong quá trình vay, thì Q1 chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho P. Đối với số tiền gốc và lãi chưa trả, Q1 vẫn phải trả cho P theo thỏa thuận.

11. Ngày 22/05/2023 Nguyễn Bách P cho Lê Quang Đ2 vay số tiền 5.000.000đ lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự 9,12 lần. Tính đến ngày 20/7/2023, P đã cho anh Đ2 vay 60 ngày thu 1.500.000đ tiền lãi, anh Đ2 đã thanh toán xong tiền gốc và kết thúc khoản vay này. Theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền lãi tối đa P được phép thu của Đ2: 60 ngày là 166.667đ, vậy P đã thu lợi bất chính số tiền 1.333.333đ.

12. Ngày 12/05/2023 Nguyễn Bách P cho Lê Minh H2 vay số tiền 7.000.000đ lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự 9,125 lần, khi vay H2 để lại số bảo hiểm. Tính đến ngày 25/7/2023 P đã cho H2 vay 75 ngày và thu 90 ngày tiền lãi với số tiền 3.050.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền lãi tối đa P được phép thu của anh H2: 90 ngày là 350.000đ, vậy P đã thu lợi bất chính số tiền 2.700.000đ. Đối với số tiền gốc còn nợ lại, H2 vẫn phải trả cho P theo thỏa thuận.

13. Ngày 06/04/2023 Nguyễn Bách P cho Trần Phi L vay số tiền 10.000.000đ lãi suất là 3.333đ/1.000.000đ/ 01 ngày, tương ứng mức lãi suất 121,65%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định Bộ luật dân sự 6,08 lần. Tính đến ngày 25/7/2023 P đã cho L vay 111 ngày và thu được 120 ngày lãi với số tiền 4.000.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền lãi tối đa P được phép thu của L 120 ngày tiền lãi là 666.667đ, P đã thu lợi bất chính số tiền 3.333.333đ. Đối với số tiền gốc còn nợ lại, L vẫn phải trả cho P theo thỏa thuận.

14. Ngày 17/06/2023, Nguyễn Bách P cho Cù Văn A vay số tiền 3.000.000đ lãi suất là 3.333đ/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng mức lãi suất 121,65%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự 6,08 lần. Tính đến ngày 25/7/2023 P đã cho A vay 39 ngày và thu được 60 ngày tiền lãi với số tiền 600.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền lãi tối đa P được phép thu của anh A 60 ngày là 100.000đ, P đã thu lợi bất chính số tiền 500.000đ. Đối với số tiền gốc còn nợ lại, A vẫn phải trả cho P theo thỏa thuận

15. Ngày 08/04/2023, Nguyễn Bách P cho Trần Minh T6 vay số tiền 15.000.000đ với lãi suất là 3333đ/1.000.000đ/ 01 ngày, tương ứng mức lãi suất 121,65%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự 6,08

lần. Tính đến ngày 15/7/2023 P đã cho T6 vay 89 ngày thu được 4.500.000đ tiền lãi, T6 đã thanh toán xong tiền gốc và kết thúc khoản vay này. Theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền lãi tối đa P được phép thu của T6: 89 ngày là 741.667đ, P đã thu lợi bất chính số tiền 3.758.333đ.

Ngày 25/7/2023 P đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

* Vật chứng và tài sản thu giữ được xử lý như sau:

- 37 tờ giấy vay tiền, loại giấy mẫu in sẵn, có tên người cho vay tiền "NGUYỄN BÁCH P ", chữ in sẵn màu đỏ. (Kèm theo hồ sơ)

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20 Ultra màu đen, số seri: R58R74504RY, gắn sim Viettel. Điện thoại này Phương dùng để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng và đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 16.650.000đ. Quá trình điều tra xác định số tiền này không phải do phạm tội mà có nên ngày 19/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho Nguyễn Bách P.

- 01 Sổ Bảo hiểm xã hội mã số: 3824600841 mang tên Lê Minh H2. Ngày 19/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho Lê Minh H2.

Ngày 28/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Bách P về hành vi Tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ, số tiền phạt 15.000.000đ và tịch thu tang vật vi phạm hành chính, cụ thể:

- 02 con dao nhỏ, dài 30cm, cán dao bằng nhựa, lưỡi dao bằng kim loại, trên lưỡi dao có dòng chữ TK0638382, một lưỡi sắc, mũi dao nhọn.

- 01 con dao dài 50cm, cán dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, màu đen, một lưỡi sắc nhọn.

- 01 cây kiếm dài tổng 52cm, cán quán bằng vải màu đen, lưỡi kiếm bằng kim loại, một lưỡi sắc nhọn.

- 01 cây kiếm dài tổng 77cm, cán quán bằng vải màu đen, lưỡi dao bằng kim loại, một lưỡi sắc nhọn.

- 01 cây kiếm dài tổng 103cm, cán quán bằng vải màu đen, lưỡi kiếm bằng kim loại, một lưỡi sắc nhọn.

* Ngày 02/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống trưng cầu giám định số tiền, điện thoại: 03 cây kiếm và 03 con dao mà Cơ quan CSĐT khám xét khẩn cấp được thu giữ tại nhà Nguyễn Bách P.

Tại Bản kết luận giám định số 2907/KL-KTHS ngày 10/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: 59 tờ tiền Việt Nam gửi giám định nêu ở mục II.1 (mẫu cần giám định) là tiền thật.

- Tại Bản kết luận giám định số 2925/KL-KTHS ngày 11/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: 06 vật trong vụ trên gửi giám định thuộc loại vũ khí thô sơ.

- Tại Bản kết luận giám định số 3087/KL-KTHS ngày 30/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Hiện tại, không tìm thấy dữ liệu điện tử đã xóa trong điện thoại di động gửi giám định.

* Quá trình điều tra xác định: Năm 2020 bị cáo Nguyễn Bách P đã nhiều lần đến khám và điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Thanh Hóa có hồ sơ bệnh án. Vì vậy, ngày 18/10/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống ra Quyết định trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung ương giám định pháp y tâm thần đối với Nguyễn Bách P.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 98/KLGĐ ngày 17/5/2024 của Viện pháp y tâm thần Trung ương, kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị cáo P bị bệnh Rối loạn cảm xúc không ổn định (Suy nhược) thực tồn, theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F06.6. Tại các thời điểm trên bị cáo đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Cơ quan điều tra cũng đã yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa cung cấp các bản sao kê lịch sử giao dịch trên tài khoản của Nguyễn Bách P. Kết quả sao kê các tài khoản do ngân hàng cung cấp phù hợp với lời khai của Nguyễn Bách P và lời khai của những người liên quan.

* Đối với số tiền 183.000.000đ mà Nguyễn Bách P đã sử dụng để thực hiện hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và số tiền lãi 49.150.000đ đã thu được, P khai nhận sau khi một số đối tượng vay trả đã sử dụng vay trả phục vụ nhu cầu cá nhân hết.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKSNC ngày 24/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố Nguyễn Bách Phương về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 BLHS.

- Tại phiên tòa:

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị HĐXX xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Bách P mức án từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian tạm giữ được quy đổi để trừ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Phạt bổ sung bị cáo khoản tiền từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước; miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động của bị cáo, bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Buộc bị cáo Nguyễn Bách P nộp lại số tiền 76.000.000đ là tiền gốc bị cáo đã thu của những người vay vào ngân sách nhà nước. Truy thu của bị cáo số tiền 6.981.284đ là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của những người vay để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc đã vay của Nguyễn Bách P chưa trả về vào ngân sách Nhà nước gồm: Lương

Khắc N1: 20.000.000đ; Bùi Văn T3: 10.000.000đ; Trần Văn T4: 7.000.000đ; Đinh Văn Q 15.000.000đ; Trần Văn Đ 20.000.000đ; Viên Văn Q1: 15.000.000đ; Lê Minh H2: 7.000.000đ; Trần Phi L 10.000.000đ; Cù Văn A 3.000.000đ.

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Lương Khắc N1: 8.933.334đ; Bùi Văn T3: 1.333.333đ; Trần Văn T4: 2.650.000đ; Trần Sỹ H 2.469.827đ; Đinh Văn Q 5.922.222đ; Bùi Văn C 1.666.667đ; Nguyễn Quang H1: 1.991.667đ; Trần Văn Đ 4.400.000đ; Lê Chí T1: 694.444đ; Lê Quang Đ2: 1.333.333đ; Lê Minh H2: 2.700.000đ; Trần Phi L 3.333.333đ; Cù Văn A 500.000đ; Trần Minh T6: 3.758.333đ.

+ Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm của mình, hứa sửa chữa không tái phạm và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Công, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ đã được giám định trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở chứng minh:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2022 đến ngày 25/7/2023, bị cáo Nguyễn Bách P đã cho 15 cá nhân trên địa bàn huyện Nông Công vay tổng số tiền 183.000.000 đồng, với mức lãi từ 3.000đ/1.000.000đ/01 ngày đến 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm. Lãi suất mà bị cáo cho vay vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm) từ 5,475 lần đến 9,125 lần, nhằm thu lợi bất chính 51.639.875đ. Bị cáo đã thu lợi được 49.150.000đ, trong đó thu lợi bất chính là 42.168.716đ. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Như vậy, cáo trạng của VKSND huyện Nông Công truy tố bị cáo với tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh

tiền tệ; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác làm mất trật tự trị an trên địa bàn. Vì vậy, cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để giáo dục bị cáo thành người tốt và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo đều có các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đầu thú quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; về nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo bị bệnh Rối loạn cảm xúc không ổn định (Suy nhược) thực tổn, theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F06.6

Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo: HĐXX thấy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp với quy định của Điều 36 BLHS. Thời gian tạm giữ được quy đổi để trừ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì mục đích lợi nhuận, thu lời bất chính nên cần áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[7] Truy thu nộp ngân sách Nhà nước khoản tiền thu lời bất chính, tiền liên quan đến tội phạm tử bị cáo và người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động của bị cáo là công cụ phạm tội.

[9] Về án phí: Bị cáo có tội bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201 BLHS tuyên bố bị cáo: Nguyễn Bách P phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS. Xử phạt Nguyễn Bách P 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Bách P cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước; Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Truy thu bị cáo Nguyễn Bách P số tiền gốc 76.000.000đ tiền gốc và 6.981.284đ tiền lãi mà những người vay đã trả cho bị cáo để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền gốc vay của Nguyễn Bách P chưa trả vào ngân sách Nhà nước gồm: Lương Khắc N1: 20.000.000đ; Bùi Văn T3: 10.000.000đ; Trần Văn T4: 7.000.000đ; Đinh Văn Q 15.000.000đ; Trần Văn Đ 20.000.000đ; Viên Văn Q1: 15.000.000đ; Lê Minh H2: 7.000.000đ; Trần Phi L 10.000.000đ; Cù Văn A 3.000.000đ.

Buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền đã thu lợi bất chính, gồm: Lương Khắc N1: 8.933.334đ; Bùi Văn T3: 1.333.333đ; Trần Văn T4: 2.650.000đ; Trần Sỹ H 2.469.827đ; Đinh Văn Q 5.922.222đ; Bùi Văn C 1.666.667đ; Nguyễn Quang H1: 1.991.667đ; Trần Văn Đ 4.400.000đ; Lê Chí T7: 694.444đ; Lê Quang Đ2: 1.333.333đ; Lê Minh H2: 2.700.000đ; Trần Phi L 3.333.333đ; Cù Văn A 500.000đ; Trần Minh T6: 3.758.333đ.

Về vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 Điện thoại di động của bị cáo là công cụ phạm tội, (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/6/2024 giữa Công an huyện Nông Cống và Chi cục THADS huyện Nông Cống)

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải Thi hành án dân sự có quyền tự nguyện Thi hành án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Nông Cống;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Lưu hồ sơ; văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Tình

